TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/2026/QĐST-DS	*Quảng Ninh, ngày 05 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 170/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phạm Thị C; nơi thường trú: tổ 7, khu L, phường P, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phạm Thị N, địa chỉ: khu H, phường M, tỉnh Quảng Ninh (theo Giấy ủy quyền giữa bên ủy quyền giữa bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị N ngày 02/12/2025 được chứng thực chữ ký tại Trung tâm phục vụ hành chính công phường P) và bà Nguyễn Kim V; địa chỉ: 10/28/212 đường Đ, phường G, thành phố Hải Phòng (Theo Hợp đồng ủy quyền giữa bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Kim V ngày 03/3/2026 được chứng nhận tại Văn phòng công chứng Quảng Ninh).

Bị đơn: ông Nguyễn Văn H1 và bà Lương Thị D; nơi thường trú: tổ 7, khu L, phường P, tỉnh Quảng Ninh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H2 và bà Nguyễn Thị L; nơi thường trú: tổ 7, khu L, phường P, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2, bà L: bà Lương Thị D; nơi thường trú: tổ 7, khu L, phường P, tỉnh Quảng Ninh (Theo Giấy ủy quyền giữa ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị L và bà Lương Thị D ngày 19/12/2025 được chứng thực tại Trung tâm phục vụ hành chính công phường P).

- Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: số 376 Trần Phú, phường P, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Ngọc D – Chuyên viên phòng

Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường P, tỉnh Quảng Ninh (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh số 386/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2026).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Xác định ranh giới sử dụng đất giữa gia đình bà Phạm Thị C và gia đình ông Nguyễn Văn H, bà Lương Thị D là đường gấp khúc giới hạn bởi các điểm (9,10,11,12) theo Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Công ty cổ phần đo đạc địa hình và xây dựng công trình 5/5 lập ngày 09 tháng 4 năm 2026.

2.2. Ông Nguyễn Văn H và bà Lương Thị D tự nguyện điều chỉnh diện tích 2,6m^2 được giới hạn bởi các điểm (20,21,22,12,11,10,9,N,M,K,H,20) theo Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Công ty cổ phần đo đạc địa hình và xây dựng công trình 5/5 lập ngày 09 tháng 4 năm 2026, hiện đang thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD556113 do UBND thành phố P cấp ngày 12/9/2018 cho người sử dụng đất Nguyễn Văn H và Lương Thị D sang cho bà Phạm Thị C sử dụng để đảm bảo thửa đất của 2 nhà được vuông vắn.

Ông H1 và bà D có nghĩa vụ làm thủ tục đăng ký biến động chỉnh lý thửa đất theo quy định của pháp luật.

2.3. Về chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Văn H, bà Lương Thị D mỗi bên tự nguyện nộp 1/2 chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Bà Phạm Thị C đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ông Nguyễn Văn H và bà Lương Thị D phải hoàn trả cho bà C 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bà Phạm Thị C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông H1, bà D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.4. Về án phí: các đương sự thỏa thuận bà Phạm Thị C là người nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà C thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án vì vậy bà C được miễn án phí đối với phần mà bà C phải chịu theo quy định pháp luật và phải nộp 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm mà bà C nhận nộp thay cho ông Nguyễn Văn H, bà Lương Thị D.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 3 - Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 3 - Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Ánh